

THÔNG TIN TUYỂN SINH NĂM 2026

(Hình thức đào tạo: chính quy)

(Ban hành kèm theo Quyết định số 918/QĐ-ĐHLHN ngày 29 tháng 4 năm 2026
của Hiệu trưởng Trường Đại học Luật Hà Nội)

I. THÔNG TIN CHUNG

1. Tên cơ sở đào tạo

- Tên tiếng Việt của cơ sở đào tạo: Trường Đại học Luật Hà Nội
- Tên tiếng Anh của cơ sở đào tạo: Hanoi Law University

2. Mã cơ sở đào tạo trong tuyển sinh: LPH

3. Địa chỉ các trụ sở

- Trụ sở chính: số 87 đường Nguyễn Chí Thanh, Phường Giảng Võ, Thành phố Hà Nội.
- Cơ sở đào tạo tại Bắc Ninh (dự kiến): Phường Đồng Nguyên, Tỉnh Bắc Ninh.
- Phân hiệu: đường Trần Văn Giàu, Tổ dân phố 8, Phường Tân An, Tỉnh Đắk Lắk.

4. Địa chỉ trang thông tin điện tử: <https://hlu.edu.vn>

5. Địa chỉ công khai quy chế tuyển sinh: <https://hlu.edu.vn>

6. Số điện thoại liên hệ tuyển sinh: 19001205 (trong giờ hành chính)

7. Địa chỉ công khai các thông tin về hoạt động của Trường: <https://hlu.edu.vn>

II. TUYỂN SINH ĐÀO TẠO ĐẠI HỌC

1. Đối tượng, điều kiện dự tuyển

Đối tượng, điều kiện tuyển sinh thực hiện theo quy chế tuyển sinh đại học hiện hành của Bộ Giáo dục và Đào tạo và các quy định của Trường, cụ thể như sau:

a. Đối tượng dự tuyển

Đối tượng dự tuyển được xác định tại thời điểm xét tuyển, bao gồm:

- Người đã được công nhận tốt nghiệp trung học phổ thông (THPT), trung học nghề của Việt Nam hoặc của nước ngoài được công nhận trình độ tương đương với THPT, trung học nghề của Việt Nam do các đơn vị chức năng xác định;
- Người đã có bằng tốt nghiệp trung cấp ngành nghề thuộc cùng nhóm ngành dự tuyển và đã hoàn thành đủ yêu cầu khối lượng kiến thức văn hóa cấp THPT theo quy định của pháp luật.

b. Điều kiện dự tuyển

Đối tượng dự tuyển được đề cập tại mục này phải đáp ứng các điều kiện sau:

- Đạt ngưỡng đầu vào theo quy định tại Điều 9 của Thông tư 06/2026/TT-BGDĐT ngày 15 tháng 02 năm 2026 của Bộ Giáo dục và Đào tạo về Quy chế tuyển sinh các ngành đào tạo trình độ đại học và ngành Giáo dục Mầm non trình độ cao đẳng (Thông tư 06);

- Có đủ sức khỏe để học tập theo quy định hiện hành;

- Có đủ thông tin cá nhân, hồ sơ dự tuyển theo quy định.

** Đối với các ngành đào tạo có áp dụng đồng thời nhiều phương thức tuyển sinh, Trường có quy định cụ thể về đối tượng, hồ sơ, trình tự, điều kiện dự tuyển cho mỗi phương thức tuyển sinh trên nguyên tắc không thí sinh nào bị mất cơ hội dự tuyển do những quy định không liên quan tới trình độ, năng lực; hoặc do quy trình tuyển sinh gây phiền hà, tốn kém.*

** Đối với thí sinh khuyết tật ảnh hưởng khả năng học tập, Trường sẽ thực hiện các biện pháp cần thiết và tạo điều kiện tốt nhất để thí sinh có nguyện vọng được đăng ký dự tuyển và theo học các ngành phù hợp với năng lực và điều kiện sức khỏe của thí sinh.*

2. Mô tả phương thức tuyển sinh

Năm 2026, Trường Đại học Luật Hà Nội tuyển sinh đại học chính quy theo các phương thức sau đây:

- Phương thức 1: Xét tuyển thẳng

- Phương thức 2: Xét tuyển dựa trên kết quả học tập của bậc THPT đối với thí sinh tốt nghiệp THPT năm 2026

- Phương thức 3: Xét tuyển dựa trên kết quả Kỳ thi tốt nghiệp THPT năm 2026

a. Phương thức 1: Xét tuyển thẳng

Phương thức xét tuyển thẳng thực hiện theo Thông tư 06 và theo Quy chế tuyển sinh, Thông tin tuyển sinh của Trường.

b. Phương thức 2: Xét tuyển dựa trên kết quả học tập của bậc THPT đối với thí sinh tốt nghiệp THPT năm 2026

- Cách thức xét tuyển: Xét từ cao xuống thấp đến hết chỉ tiêu dựa trên kết quả học tập 3 môn thuộc các tổ hợp xét tuyển theo ngành của cả năm lớp 10, cả năm lớp 11 và cả năm lớp 12.

- Điểm xét tuyển theo thang điểm 30.

- Công thức tính điểm xét tuyển như sau:

$ĐXT = (ĐTB \text{ Môn } 1 + ĐTB \text{ Môn } 2 + ĐTB \text{ Môn } 3) + ĐC \text{ (nếu có)} + ĐUT \text{ (nếu có)}$

(Trong đó, ĐXT: Điểm xét tuyển; ĐTB: Điểm trung bình; ĐC: Điểm cộng; ĐUT: Điểm ưu tiên).

+ Điểm trung bình (ĐTB) mỗi môn = (ĐTB cả năm lớp 10 + ĐTB cả năm lớp 11 + ĐTB cả năm lớp 12 của môn tương ứng)/3.

+ ĐC, ĐUT được xác định theo hướng dẫn dưới đây:

Điểm cộng được quy định tại mục 5(b) của văn bản này.

Điểm ưu tiên được xác định theo quy định tại Điều 7 của Thông tư 06.

c. Phương thức 3: Xét tuyển dựa trên kết quả Kỳ thi tốt nghiệp THPT năm 2026

- Thí sinh đủ điều kiện về đối tượng tuyển sinh theo Quy chế tuyển sinh của Bộ Giáo dục và Đào tạo được tham gia xét tuyển.

- Điểm xét tuyển theo thang điểm 30, bằng tổng điểm 3 môn trong tổ hợp xét tuyển và điểm cộng (nếu có), điểm ưu tiên (nếu có).

- Điểm cộng được quy định tại mục 5(b) của văn bản này.

- Điểm ưu tiên được xác định theo quy định tại Điều 7 của Thông tư 06.

3. Quy tắc quy đổi tương đương ngưỡng đầu vào và điểm trúng tuyển giữa các tổ hợp, phương thức tuyển sinh

Trường sẽ công bố quy tắc quy đổi tương đương ngưỡng đầu vào và điểm trúng tuyển theo kế hoạch của Bộ Giáo dục và Đào tạo.

4. Số lượng tuyển sinh

TT	Mã xét tuyển	Tên chương trình, ngành, nhóm ngành xét tuyển	Mã ngành, nhóm ngành	Tên ngành, nhóm ngành	Số lượng tuyển sinh	Phương thức tuyển sinh	Ghi chú
1.	7380101	Luật	7380101	Luật	1600	- Xét tuyển thẳng - Xét kết quả học tập bậc THPT 2026 (bao gồm các tổ hợp A00, A01, C00, D01, D02, D03, D04, D05, D06) - Xét kết quả Kỳ thi tốt nghiệp THPT 2026 (bao gồm các tổ hợp	

						A00, A01, C00, D01, D02, D03, D04, D05, D06)
2.	7380107	Luật Kinh tế	7380107	Luật Kinh tế	550	- Xét tuyển thẳng - Xét kết quả học tập bậc THPT 2026 (bao gồm các tổ hợp A00, A01, C00, D01, D02, D03, D04, D05, D06) - Xét kết quả Kỳ thi tốt nghiệp THPT 2026 (bao gồm các tổ hợp A00, A01, C00, D01, D02, D03, D04, D05, D06)
3.	7380109	Luật Thương mại quốc tế	7380109	Luật Thương mại quốc tế	200	- Xét tuyển thẳng - Xét kết quả học tập bậc THPT 2026 (bao gồm các tổ hợp A01, D01) - Xét kết quả Kỳ thi tốt nghiệp THPT 2026 (bao gồm các tổ hợp A01, D01)
4.	7220201	Ngôn ngữ Anh	7220201	Ngôn ngữ Anh	200	- Xét tuyển thẳng - Xét kết quả học tập bậc THPT 2026 (bao gồm các tổ hợp A01, D01) - Xét kết quả Kỳ

						thi tốt nghiệp THPT 2026 (bao gồm các tổ hợp A01, D01)	
5.	7380101 PH	Luật	7380101	Luật	300	- Xét tuyển thẳng - Xét kết quả học tập bậc THPT 2026 (bao gồm các tổ hợp A00, A01, C00, D01, D02, D03, D04, D05, D06) - Xét kết quả Kỳ thi tốt nghiệp THPT 2026 (bao gồm các tổ hợp A00, A01, C00, D01, D02, D03, D04, D05, D06)	
Tổng					2850		
<p>- Trường dành 3% số lượng tuyển sinh đã công bố cho phương thức xét tuyển thẳng, trong trường hợp phương thức xét tuyển thẳng tuyển không đủ số lượng tuyển sinh đã công bố thì số lượng tuyển sinh còn lại được chuyển sang cho các phương thức xét tuyển khác.</p> <p>- Trường dự kiến tuyển sinh đào tạo chất lượng cao ngành Luật với số lượng là 300, chất lượng cao ngành Luật Kinh tế với số lượng là 150. Thí sinh trúng tuyển tương ứng vào ngành Luật và ngành Luật Kinh tế có thể đăng ký theo học vào các chương trình chất lượng cao khi làm thủ tục nhập học tại trường. Trường có thông báo riêng đối với việc xét tuyển vào các lớp đào tạo chất lượng cao.</p>							

5. Các thông tin cần thiết khác để thí sinh dự tuyển vào Trường

a. Đăng ký và nguyên tắc xét tuyển

**** Đăng ký xét tuyển:***

- Thí sinh dự tuyển đợt 1 hình thức đào tạo chính quy thực hiện đăng ký xét tuyển trên Hệ thống (hoặc qua Công dịch vụ công quốc gia) theo kế hoạch chung và hướng dẫn của Bộ Giáo dục và Đào tạo.

- Đối với mỗi phương thức xét tuyển, thí sinh đều được đăng ký tối đa 15 nguyện vọng (NV) theo ngành/chương trình, NV phải được sắp xếp theo thứ tự ưu tiên từ cao

xuống thấp (NV ưu tiên cao nhất là NV1).

* *Nguyên tắc xét tuyển:*

- Trường xét tuyển theo phương thức xét tuyển, mã ngành/chương trình, lấy điểm từ cao xuống thấp cho đến hết số lượng tuyển sinh đã công bố theo nguồn tuyển và không thấp hơn ngưỡng đầu vào, không phân biệt thứ tự NV giữa các thí sinh.

- Trường hợp nhiều NV đủ điều kiện trúng tuyển, thí sinh chỉ được công nhận trúng tuyển và gọi nhập học theo NV cao nhất. Nếu đã trúng tuyển NV có ưu tiên cao hơn, thí sinh sẽ không được xét các NV có mức độ ưu tiên tiếp theo.

- Đối với một ngành/chương trình đào tạo, tất cả thí sinh được xét chọn bình đẳng dựa trên điểm xét và điểm trúng tuyển quy đổi tương đương theo từng phương thức xét tuyển, tổ hợp xét tuyển, không phụ thuộc thứ tự ưu tiên của nguyện vọng đăng ký.

- Trường hợp nhiều thí sinh có cùng điểm xét ở cuối danh sách, thứ tự xét ưu tiên đối với các thí sinh có điểm cộng thấp hơn; trường hợp nhiều thí sinh có cùng điểm xét ở cuối danh sách và có điểm cộng bằng nhau, thứ tự xét ưu tiên đối với các thí sinh có thứ tự ưu tiên NV cao hơn.

- Nếu xét tuyển theo mỗi ngành, địa điểm đào tạo không đủ số lượng tuyển sinh đã công bố thì số lượng tuyển sinh còn lại được chuyển sang cho các ngành/chương trình, địa điểm đào tạo khác.

b. Điểm cộng

* *Điểm cộng* là tổng điểm thưởng, điểm xét thưởng, điểm khuyến khích không vượt quá 10% điểm tối đa của thang điểm xét tuyển.

Thí sinh cần đăng ký để được hưởng điểm cộng (Trường sẽ có thông báo cụ thể về thời điểm và cách thức đăng ký). Thí sinh chỉ có thể đăng ký để hưởng điểm thưởng, điểm xét thưởng, điểm khuyến khích một lần cho thành tích hoặc năng khiếu đặc biệt (ví dụ: Thí sinh có Giải học sinh giỏi cấp tỉnh và Giải học sinh giỏi quốc gia, thí sinh chỉ được đăng ký hưởng điểm cộng 1 lần theo Giải học sinh giỏi quốc gia). Thời gian đạt thành tích hoặc năng khiếu đặc biệt không quá 03 năm tính tới thời điểm đăng ký xét tuyển.

* *Điểm thưởng* dành cho các đối tượng thí sinh được xét tuyển thẳng nhưng không sử dụng quyền xét tuyển thẳng theo quy định tại mục 7(a) của văn bản này, cụ thể:

- Thí sinh đạt giải Nhất, Nhì, Ba trong kỳ thi chọn học sinh giỏi quốc gia, quốc tế, tốt nghiệp THPT năm 2026, thời gian đạt giải không quá 03 năm tính tới thời điểm xét tuyển thẳng môn Toán, Vật lý, Hóa học, Ngữ văn, Lịch sử, Địa lý, Tiếng Anh, Tiếng Nga, Tiếng Pháp, Tiếng Đức, Tiếng Trung, Tiếng Nhật được tuyển thẳng vào ngành Luật, Luật Kinh tế, nếu không sử dụng quyền tuyển thẳng thì được cộng điểm thưởng theo cấp đạt giải như sau: giải Nhất được cộng 1,5 điểm, giải Nhì được cộng 1,25 điểm,

giải Ba được cộng 1 điểm;

- Thí sinh đạt giải Nhất, Nhì, Ba (Huy chương Vàng, Bạc, Đồng) trong kỳ thi khoa học, kỹ thuật cấp quốc gia, quốc tế do Bộ Giáo dục và Đào tạo cử tham gia, tốt nghiệp THPT năm 2026 và đạt ngưỡng đảm bảo chất lượng đầu vào của chương trình đào tạo, thời gian đạt giải không quá 03 năm tính tới thời điểm xét tuyển thẳng được tuyển thẳng vào ngành Luật, Luật Kinh tế, nếu không sử dụng quyền tuyển thẳng thì được cộng điểm thưởng theo cấp đạt giải như sau: giải Nhất được cộng 1,5 điểm, giải Nhì được cộng 1,25 điểm, giải Ba được cộng 1 điểm;

- Thí sinh đạt giải Nhất, Nhì, Ba trong kỳ thi chọn học sinh giỏi quốc gia môn Tiếng Anh, tốt nghiệp THPT năm 2026, thời gian đạt giải không quá 03 năm tính tới thời điểm xét tuyển thẳng được tuyển thẳng vào ngành Luật Thương mại quốc tế và ngành Ngôn ngữ Anh, nếu không sử dụng quyền tuyển thẳng thì được cộng điểm thưởng theo cấp đạt giải như sau: giải Nhất được cộng 1,5 điểm, giải Nhì được cộng 1,25 điểm, giải Ba được cộng 1 điểm;

* *Điểm xét thưởng* dành cho các đối tượng thí sinh có thành tích hoặc có năng khiếu đặc biệt. Thí sinh cần đăng ký để được hưởng điểm xét thưởng (Trường sẽ có thông báo cụ thể về thời điểm và cách thức đăng ký). Thí sinh chỉ có thể đăng ký để hưởng điểm xét thưởng cho một thành tích hoặc năng khiếu đặc biệt. Thời gian đạt thành tích hoặc năng khiếu đặc biệt không quá 03 năm tính tới thời điểm đăng ký xét tuyển.

Điểm xét thưởng được xác định như sau:

- Thí sinh được triệu tập tham dự kỳ thi chọn đội tuyển quốc gia dự thi Olympic quốc tế, thí sinh trong đội tuyển quốc gia dự Cuộc thi khoa học, kỹ thuật quốc tế được cộng 1 điểm;

- Thí sinh đạt giải Nhất, Nhì, Ba (Huy chương Vàng, Bạc, Đồng) các cuộc thi khoa học, kỹ thuật quốc tế do Bộ Giáo dục và Đào tạo cử tham gia/công nhận được cộng điểm xét thưởng theo cấp đạt giải như sau: giải Nhất được cộng 1,5 điểm, giải Nhì được cộng 1,25 điểm, giải Ba được cộng 1 điểm;

- Thí sinh đạt giải Nhất, Nhì, Ba cuộc thi học sinh, sinh viên với ý tưởng khởi nghiệp cấp quốc gia được cộng điểm xét thưởng theo cấp đạt giải như sau: giải Nhất được cộng 1,5 điểm, giải Nhì được cộng 1,25 điểm, giải Ba được cộng 1 điểm;

- Thí sinh đạt giải Nhất, Nhì, Ba (Huy chương Vàng, Bạc, Đồng), được Bộ Văn hóa, Thể thao và Du lịch hoặc cơ quan có thẩm quyền xác nhận, tại các giải quốc tế chính thức, bao gồm: Giải vô địch thế giới, Cúp thế giới, Thế vận hội Olympic, Đại hội thể thao châu Á (ASIAD), Giải vô địch châu Á, Cúp châu Á, Giải vô địch Đông Nam Á, Đại hội thể thao Đông Nam Á (SEA Games), Cúp Đông Nam Á được cộng điểm xét thưởng theo cấp đạt giải như sau: giải Nhất được cộng 1,5 điểm, giải Nhì được cộng 1,25 điểm, giải Ba được cộng 1 điểm;

- Thí sinh đạt giải Nhất, Nhì, Ba (Huy chương Vàng, Bạc, Đồng), được Bộ Văn hóa, Thể thao và Du lịch hoặc cơ quan có thẩm quyền xác nhận, tại các cuộc thi về nghệ thuật quốc tế/quốc gia về ca, múa, nhạc, mỹ thuật, cuộc thi sắc đẹp được cộng điểm xét thưởng theo cấp đạt giải như sau: giải Nhất được cộng 1,5 điểm, giải Nhì được cộng 1,25 điểm, giải Ba được cộng 1 điểm;

- Thí sinh đạt giải Nhất, Nhì, Ba (Huy chương Vàng, Bạc, Đồng) trong Kỳ thi Học sinh giỏi cấp tỉnh trở lên, Kỳ thi Olympic bậc THPT do Đại học Quốc gia Hà Nội tổ chức, Kỳ thi chọn học sinh giỏi các Trường THPT chuyên khu vực duyên hải và đồng bằng Bắc Bộ các môn học trong chương trình THPT theo quy định của Bộ Giáo dục và Đào tạo, cuộc thi khoa học kỹ thuật cấp tỉnh/quốc gia, cuộc thi học sinh, sinh viên với ý tưởng khởi nghiệp cấp tỉnh trở lên, các cuộc thi cấp tỉnh trở lên về thể thao, nghệ thuật, ca, múa, nhạc, mỹ thuật, cuộc thi sắc đẹp được Bộ Văn hóa, Thể thao và Du lịch hoặc cơ quan có thẩm quyền xác nhận được cộng điểm xét thưởng vào tổng điểm xét tuyển với mức: giải Nhất được cộng 1 điểm, giải Nhì được cộng 0,75 điểm, giải Ba được cộng 0,5 điểm.

* *Điểm khuyến khích* dành cho các đối tượng thí sinh có chứng chỉ ngoại ngữ hoặc có chứng chỉ quốc tế có giá trị sử dụng tính đến thời điểm xét tuyển. Thí sinh cần đăng ký để được hưởng điểm khuyến khích (Trường sẽ có thông báo cụ thể về thời điểm và cách thức đăng ký).

Điểm khuyến khích được xác định theo mức điểm/cấp độ của chứng chỉ như sau:

TT	IELTS Academic	TOEFL ITP	TOEFL iBT		Ngoại ngữ khác (*)	SAT	ACT	Điểm khuyến khích
			Trước 21/01/2026	Sau 21/01/2026				
1	8,0 trở lên	627 trở lên	114 trở lên	6	Cấp độ C2	1500 trở lên	34 trở lên	1,5
2	7,5	581-626	105-113	5,5		1410 – dưới 1500	32-33	1,25
3	7,0	541-580	95-104	5	Cấp độ C1	1320 - dưới 1410	30-31	1
4	6,5	500-540	84-94	4,5		1230 - dưới 1320	28-29	0,75
5	6,0	475-499	72-83	4	Cấp độ B2	1140 - dưới 1230	25-27	0,5

TT	IELTS Academic	TOEFL ITP	TOEFL iBT		Ngoại ngữ khác (*)	SAT	ACT	Điểm khuyến khích
			Trước 21/01/2026	Sau 21/01/2026				
6	5,5	450-474	58-71	3,5		1050 - dưới 1140	22-24	0,25

(*) Xem bảng tham chiếu quy đổi tương đương cấp độ của các chứng chỉ ngoại ngữ.

Điểm khuyến khích tối đa là 1,5 điểm. Thí sinh có thể đăng ký để được hưởng tổng điểm khuyến khích bao gồm chứng chỉ quốc tế (SAT hoặc ACT) và chứng chỉ ngoại ngữ (một trong các chứng chỉ: IELTS Academic, TOEFL ITP, TOEFL iBT, ngoại ngữ khác). Trường hợp tổng điểm khuyến khích lớn hơn 1,5 điểm sẽ chỉ được tính điểm khuyến khích tối đa 1,5 điểm.

c. Quy đổi chứng chỉ ngoại ngữ

Nếu thí sinh có chứng chỉ ngoại ngữ quốc tế có giá trị sử dụng tính đến thời điểm xét tuyển được Bộ Giáo dục và Đào tạo công nhận với số điểm tối thiểu sẽ được quy đổi điểm xét tuyển cho ngoại ngữ tương ứng. Cụ thể như sau:

- Bảng điểm quy đổi chứng chỉ ngoại ngữ tiếng Anh:

TT	IELTS Academic	TOEFL ITP	TOEFL iBT		Điểm quy đổi
			Trước 21/01/2026	Sau 21/01/2026	
1	7,5 trở lên	627 trở lên	105 trở lên	5,5	10
2	7,0	581-626	95-104	5	9,5
3	6,5	541-580	84-94	4,5	9,0
4	6,0	500-540	72-83	4	8,5
5	5,5	475-499	58-71	3,5	8,0

- Thí sinh có chứng chỉ ngoại ngữ tiếng Nga, tiếng Pháp, tiếng Đức, tiếng Trung, tiếng Nhật được quy đổi điểm ngoại ngữ dùng để xét tuyển tương ứng như sau: Cấp độ C2 được quy đổi tương ứng 10 điểm; cấp độ C1 được quy đổi tương ứng 9,5 điểm; cấp độ B2 được quy đổi tương ứng 9 điểm.

Bảng tham chiếu quy đổi tương đương cấp độ của các chứng chỉ ngoại ngữ như sau:

Cấp độ (CEFR)	Tiếng Nga	Tiếng Pháp	Tiếng Đức	Tiếng Trung	Tiếng Nhật
B2	TRKI 2	DELTA B2 TCF B2	Goethe Zertifikat B2 ÖSD Zertifikat B2 DSD II Telc Deutsch B2 TestDaF 4	HSK 4 và HSKK Trung cấp	JLPT N3
C1	TRKI 3	DALF C1 TCF C1	Goethe Zertifikat C1 ÖSD Zertifikat C1 Telc Deutsch C1 TestDaF 5	HSK 5 và HSKK Cao cấp	JLPT N2
C2	TRKI 4	DALF C2 TCF C2	Goethe Zertifikat C2 ÖSD Zertifikat C2	HSK 6 và HSKK Cao cấp	JLPT N1

Lưu ý: Nếu chứng chỉ ngoại ngữ được sử dụng quy đổi điểm xét tuyển thì không được dùng để cộng điểm khuyến khích.

6. Tổ chức tuyển sinh

Theo kế hoạch của Bộ Giáo dục và Đào tạo và của Trường.

- *Đăng ký nguyện vọng xét tuyển:* theo kế hoạch và hướng dẫn của Bộ Giáo dục và Đào tạo.

- *Đăng ký điểm cộng và quy đổi chứng chỉ ngoại ngữ vào điểm xét tuyển:* Trường sẽ có thông báo và hướng dẫn cụ thể đối với các thí sinh có nguyện vọng, dự kiến thời gian đăng ký từ **tháng 05/2026**. Đối với thí sinh có chứng chỉ ngoại ngữ chỉ có thể được dùng cho quy đổi điểm môn ngoại ngữ trong tổ hợp xét tuyển hoặc sử dụng cho điểm khuyến khích.

- *Thời gian xét tuyển lọc ảo và công bố kết quả:* theo kế hoạch của Bộ Giáo dục và Đào tạo.

7. Chính sách ưu tiên

a. Xét tuyển thẳng

Trường áp dụng các quy định theo Thông tư 06 và theo Quy chế tuyển sinh, Thông tin tuyển sinh của Trường về xét tuyển thẳng, cụ thể như sau:

- Các thí sinh sau đây được xét tuyển thẳng vào Trường Đại học Luật Hà Nội thuộc diện không phải học bổ sung kiến thức bao gồm:

+ Anh hùng lao động, Anh hùng lực lượng vũ trang nhân dân, Chiến sĩ thi đua toàn quốc đã tốt nghiệp THPT.

+ Thí sinh đạt giải Nhất, Nhì, Ba trong kỳ thi chọn học sinh giỏi quốc gia, quốc tế, tốt nghiệp THPT năm 2026, thời gian đạt giải không quá 03 năm tính tới thời điểm xét tuyển thẳng môn Toán, Vật lý, Hóa học, Ngữ văn, Lịch sử, Địa lý, Tiếng Anh, Tiếng Nga, Tiếng Pháp, Tiếng Đức, Tiếng Trung, Tiếng Nhật được tuyển thẳng vào ngành Luật, Luật Kinh tế;

+ Thí sinh đạt giải Nhất, Nhì, Ba (huy chương Vàng, Bạc, Đồng) trong kỳ thi khoa học, kỹ thuật cấp quốc gia, quốc tế do Bộ Giáo dục và Đào tạo cử tham gia, tốt nghiệp THPT năm 2026 và đạt ngưỡng đảm bảo chất lượng đầu vào của chương trình đào tạo, thời gian đạt giải không quá 03 năm tính tới thời điểm xét tuyển thẳng được tuyển thẳng vào ngành Luật, Luật Kinh tế.

+ Thí sinh đạt giải Nhất, Nhì, Ba trong kỳ thi chọn học sinh giỏi quốc gia môn Tiếng Anh, tốt nghiệp THPT năm 2026, thời gian đạt giải không quá 03 năm tính tới thời điểm xét tuyển thẳng được tuyển thẳng vào ngành Luật Thương mại quốc tế và ngành Ngôn ngữ Anh.

+ Đối với thí sinh là người khuyết tật đặc biệt nặng có giấy xác nhận khuyết tật của cơ quan có thẩm quyền cấp theo quy định: Hiệu trưởng Trường Đại học Luật Hà Nội căn cứ vào kết quả học tập THPT của học sinh (học bạ), tình trạng sức khỏe và yêu cầu của ngành đào tạo để xem xét, quyết định cho vào học;

+ Đối với thí sinh là người nước ngoài, có nguyện vọng học tại Trường Đại học Luật Hà Nội: Hiệu trưởng Trường Đại học Luật Hà Nội căn cứ kết quả học tập THPT của học sinh (bảng điểm), đạt chuẩn năng lực ngôn ngữ Tiếng Việt theo quy định của Bộ Giáo dục và Đào tạo và của Trường để xem xét, quyết định cho vào học.

- Thí sinh là người dân tộc thiểu số rất ít người theo quy định hiện hành của Chính phủ được xét tuyển thẳng vào học ngành Luật của Trường Đại học Luật Hà Nội và phải học bổ sung kiến thức. Những thí sinh này phải học bổ sung kiến thức 1 năm học trước khi vào học chính thức. Chương trình bổ sung kiến thức do Hiệu trưởng Trường Đại học Luật Hà Nội quy định.

- Tiêu chí xét tuyển thẳng: Thí sinh tốt nghiệp THPT, Trường sẽ xét từ cao xuống thấp cho đến đủ số lượng tuyển sinh (nếu số lượng thí sinh đăng ký xét tuyển thẳng vượt quá số lượng tuyển sinh đã xác định thì ưu tiên thí sinh trúng tuyển căn cứ vào cấp đạt giải, nội dung đạt giải thuộc tổ hợp xét tuyển của Trường, các môn ưu tiên theo thứ tự từ cao tới thấp là Ngoại ngữ, Toán, Ngữ văn, Vật lý, Hóa học).

b. Ưu tiên xét tuyển

Theo quy định tại mục 5(b) của văn bản này.

8. Mức thu dịch vụ tuyển sinh

- Lệ phí xét cộng điểm, quy đổi chứng chỉ ngoại ngữ: 50.000 đ/1 hồ sơ;
- Lệ phí đăng ký nguyện vọng xét tuyển: theo quy định của Bộ Giáo dục và Đào tạo.

9. Cam kết của Trường đối với thí sinh

Trường Đại học Luật Hà Nội cam kết bảo đảm quyền lợi chính đáng của thí sinh trong những trường hợp rủi ro (nếu có) theo pháp luật hiện hành, quy chế tuyển sinh của Bộ Giáo dục và Đào tạo và của Trường.

10. Các nội dung khác

a. Học phí dự kiến

- Đối với sinh viên học các chương trình tiêu chuẩn: năm học 2026-2027 mức thu học phí dự kiến là 840.000 đ/tín chỉ. Thu 5 tháng/học kỳ, 40 tháng/khoá học, 140 tín chỉ/khoá học.

- Đối với sinh viên Chương trình đào tạo chất lượng cao: năm học 2026-2027 mức thu học phí dự kiến là 840.000 đ/tín chỉ đối với các học phần thực tập chuyên môn, khoá luận tốt nghiệp, giáo dục quốc phòng - an ninh; 1.852.000 đ/tín chỉ đối với các học phần khác. Thu 5 tháng/học kỳ, 40 tháng/khoá học, 140 tín chỉ/khoá học.

b. Học bổng, chế độ ưu đãi

Ngoài chế độ miễn, giảm học phí và học bổng khuyến khích học tập theo quy định của Nhà nước, để chào mừng việc đưa Cơ sở đào tạo tại Bắc Ninh của Trường Đại học Luật Hà Nội vào sử dụng, Trường dành thêm chế độ học bổng, ưu đãi đối với sinh viên Khóa 51 trong thời gian học tập tại Cơ sở đào tạo tại Bắc Ninh (dự kiến Khóa 51 học tại đây 1 học kỳ, chia làm 2 nửa, mỗi nửa học 1 học kỳ (trừ các lớp chất lượng cao sẽ không học tại Bắc Ninh)) như sau:

- Học bổng:

Trường cấp 350 suất học bổng với tổng mức học bổng khoảng 3.000.000.000 đồng (ba tỷ đồng), gồm:

+ 110 suất học bổng ở mức 100% học phí cho khoảng 5% sinh viên có điểm đầu vào thuộc nhóm đứng đầu khoá học;

+ 240 suất học bổng ở mức 30% học phí cho khoảng 10% sinh viên có điểm đầu vào thuộc nhóm cao thứ hai trong khoảng từ trên 5% đến 15% tổng sinh viên của khoá học.

- Miễn tiền ở Ký túc xá:

Trường sẽ thực hiện chính sách miễn tiền ở Ký túc xá đối với tất cả sinh viên Khóa 51

trong toàn bộ thời gian học tập tại Cơ sở đào tạo tại Bắc Ninh, mức được miễn khoảng 5.000.000 đồng/sinh viên, không bao gồm tiền điện, nước sinh viên sử dụng trong thời gian ở Ký túc xá. Ký túc xá trang bị đầy đủ điều hòa, nước nóng lạnh, chăn, ga, gối, đệm, màn...; giặt sấy tập trung. Tổng mức được miễn dự kiến khoảng 10.000.000.000 đồng (Mười tỷ đồng).

c. Các chương trình phối hợp đào tạo, hợp tác và trao đổi sinh viên quốc tế

Năm 2026, Trường tiếp tục triển khai các chương trình phối hợp đào tạo, hợp tác và trao đổi sinh viên quốc tế với các cơ sở đào tạo đối tác nước ngoài là những cơ sở đào tạo luật hàng đầu của các nước như: Trường Luật - Đại học Melbourne (Úc), Trường Luật - Đại học Waikato (New Zealand), Đại học Quốc lập Đài Loan (NTU), Đại học Nagoya (Nhật Bản), Đại học Keio (Nhật Bản), Đại học quốc gia L.N. Gumilyov Eurasian (Kazakhstan), Đại học Tài chính Kinh tế và Luật Trung Nam (Trung Quốc), Đại học Dân tộc Quảng Tây (Trung Quốc). Thí sinh trúng tuyển vào Trường có cơ hội được tham gia các chương trình phối hợp đào tạo, hợp tác và trao đổi sinh viên đa dạng với các cơ sở đào tạo luật có uy tín khác trên thế giới mà Trường có thỏa thuận/bản ghi nhớ hợp tác.

11. Thông tin về tuyển sinh của 2 năm gần nhất

TT	Mã xét tuyển	Tên chương trình, ngành, nhóm ngành xét tuyển	Mã ngành, nhóm ngành	Tên ngành, nhóm ngành	Phương thức tuyển sinh	Tổ hợp	Năm 2025			Năm 2024			Ghi chú	
							Chỉ tiêu	Số nhập học	Điểm trúng tuyển	Chỉ tiêu	Số nhập học	Điểm trúng tuyển		
1.	7380101	Luật	7380101	Luật	Xét tuyển thẳng	A00 A01 C00 D01 D02 D03 D04 D05 D06	1400	1392		1350	1408		Đào tạo tại trụ sở chính	
					Xét tuyển thí sinh tham dự cuộc thi Đường lên đỉnh Olympia									
												28,95		28,76
												27,85		28,1
												30		28,6
												27,56		27,64
												27,56		26,76
												27,56		27,64
												27,56		27,05
												27,56		26,76
												27,56		26,86

TT	Mã xét tuyển	Tên chương trình, ngành, nhóm ngành xét tuyển	Mã ngành, nhóm ngành	Tên ngành, nhóm ngành	Phương thức tuyển sinh	Tổ hợp	Năm 2025			Năm 2024			Ghi chú
							Chỉ tiêu	Số nhập học	Điểm trúng tuyển	Chỉ tiêu	Số nhập học	Điểm trúng tuyển	
					Xét tuyển dựa trên kết quả Kỳ thi tốt nghiệp THPT	A00			25.54			26,15	
						A01			24.44			26,15	
						C00			27.39			28,15	
						D01			24.15			26,25	
						D02			24.15			26,25	
						D03			24.15			26,25	
						D04			24.15			26,25	
						D05			24.15			26,25	
						D06			24.15			26,25	
2.	7380107	Luật Kinh tế	7380107	Luật Kinh tế	Xét tuyển thẳng								
					Xét tuyển thí sinh tham dự cuộc thi Đường lên đỉnh Olympia		550	537		550	558		
					Xét tuyển	A00			29.54			30	

TT	Mã xét tuyển	Tên chương trình, ngành, nhóm ngành xét tuyển	Mã ngành, nhóm ngành	Tên ngành, nhóm ngành	Phương thức tuyển sinh	Tổ hợp	Năm 2025			Năm 2024			Ghi chú
							Chỉ tiêu	Số nhập học	Điểm trúng tuyển	Chỉ tiêu	Số nhập học	Điểm trúng tuyển	
					dựa trên kết quả học tập bậc THPT	A01			28.44			30	
						C00			30			29,8	
						D01			28.15			29,54	
						D02			28.15			28,88	
						D03			28.15			29,54	
						D04			28.15			28,27	
						D05			28.15			29,17	
						D06			28.15			28,36	
						Xét tuyển dựa trên kết quả Kỳ thi tốt nghiệp THPT			A00			26.94	
					A01				25.84			26,9	
					C00				28.79			28,85	
					D01				25.55			26,9	
					D02				25.55			26,9	
					D03				25.55			28,85	
					D04				25.55			26,9	
					D05				25.55			26,9	
					D06				25.55			26,9	
					3.	7380109			Luật Thương			7380109	

TT	Mã xét tuyển	Tên chương trình, ngành, nhóm ngành xét tuyển	Mã ngành, nhóm ngành	Tên ngành, nhóm ngành	Phương thức tuyển sinh	Tổ hợp	Năm 2025			Năm 2024			Ghi chú
							Chỉ tiêu	Số nhập học	Điểm trúng tuyển	Chỉ tiêu	Số nhập học	Điểm trúng tuyển	
		mại quốc tế		mại quốc tế	Xét tuyển thí sinh tham dự cuộc thi Đường lên đỉnh Olympia								
					Xét tuyển dựa trên kết quả học tập bậc THPT	A01			27.85			29,08	
					Xét tuyển dựa trên kết quả Kỳ thi tốt nghiệp THPT	D01			27.56			28,78	
					Xét tuyển dựa trên kết quả Kỳ thi tốt nghiệp THPT	A01			24.44			26	
					Xét tuyển	D01			24.15			26	
4.	7220201	Ngôn ngữ	7220201	Ngôn ngữ	Xét tuyển		200	190		200	247		

TT	Mã xét tuyển	Tên chương trình, ngành, nhóm ngành xét tuyển	Mã ngành, nhóm ngành	Tên ngành, nhóm ngành	Phương thức tuyển sinh	Tổ hợp	Năm 2025			Năm 2024			Ghi chú
							Chỉ tiêu	Số nhập học	Điểm trúng tuyển	Chỉ tiêu	Số nhập học	Điểm trúng tuyển	
		Anh		Anh	thăng								
					Xét tuyển thí sinh tham dự cuộc thi Đường lên đỉnh Olympia								
					Xét tuyển dựa trên kết quả học tập bậc THPT	A01			26.99			27,7	
					Xét tuyển dựa trên kết quả Kỳ thi tốt nghiệp THPT	D01			26.7			27,43	
					Xét tuyển dựa trên kết quả Kỳ thi tốt nghiệp THPT	A01			23.49			24,65	
					Xét tuyển dựa trên kết quả Kỳ thi tốt nghiệp THPT	D01			23.2			25,25	

TT	Mã xét tuyển	Tên chương trình, ngành, nhóm ngành xét tuyển	Mã ngành, nhóm ngành	Tên ngành, nhóm ngành	Phương thức tuyển sinh	Tổ hợp	Năm 2025			Năm 2024			Ghi chú		
							Chỉ tiêu	Số nhập học	Điểm trúng tuyển	Chỉ tiêu	Số nhập học	Điểm trúng tuyển			
5.	7380101PH	Luật	7380101	Luật	Xét tuyển thẳng		300	243		200	246	22,85	Đào tạo tại Phân hiệu Đắk Lắk		
					Xét tuyển thí sinh tham dự cuộc thi Đường lên đỉnh Olympia										
					Xét tuyển dựa trên kết quả học tập bậc THPT							A00		24.64	23,14
												A01		23.54	22,51
												C00		26.49	22,68
												D01		23.25	22,82
												D02		23.25	22,82
												D03		23.25	22,82
												D04		23.25	22,82
												D05		23.25	22,82
												D06		23.25	22,82
Xét tuyển	A00	21.14	22,85												

TT	Mã xét tuyển	Tên chương trình, ngành, nhóm ngành xét tuyển	Mã ngành, nhóm ngành	Tên ngành, nhóm ngành	Phương thức tuyển sinh	Tổ hợp	Năm 2025			Năm 2024			Ghi chú
							Chỉ tiêu	Số nhập học	Điểm trúng tuyển	Chỉ tiêu	Số nhập học	Điểm trúng tuyển	
					dựa trên kết quả Kỳ thi tốt nghiệp THPT	A01			20.04			22,85	
						C00			22.99			22,85	
						D01			19.75			22,85	
						D02			19.75			22,85	
						D03			19.75			22,85	
						D04			19.75			22,85	
						D05			19.75			22,85	
						D06			19.75			22,85	
<i>Thang điểm xét tuyển áp dụng theo thang điểm 30./.</i>													

Hà Nội, ngày 29 tháng 4 năm 2026

Cán bộ tuyển sinh



Nguyễn Triều Dương

Số điện thoại liên hệ: 19001205

Email: tuyensinhdaihoc@hlu.edu.vn

